

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-PT

Ngày 29-11-2021

V/v yêu cầu mở lối đi qua bất  
động sản liền kề, buộc tháo dỡ di dời  
tài sản trên đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lộc Sơn Thái;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Hồ Đức Châm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm  
2021 về việc yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề, buộc tháo dỡ di dời tài  
sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021  
của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2021/QĐ-PT ngày  
10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**

1. Bà Võ Thị T; địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có  
mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn,  
có mặt.

**- Bị đơn**

1. Bà Chu Thị T; địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có  
mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Thị N1); địa chỉ: Thôn L, thị trấn C,  
huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Anh Lục Văn H; địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Chị Phí Thu T; địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Bà Lương Thị L; địa chỉ: Thôn T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N đều là các bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T trình bày:* Bà Võ Thị T có một thửa ruộng lúa số 09, tờ bản đồ số 90, diện tích 1.522,2m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn T có 03 thửa đất 121, 122, 131, tờ bản đồ số 26 (nay là các thửa 234, 235 tờ bản đồ số 90, bản đồ địa chính lập năm 1999) tại thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Từ trước đến nay, hai hộ gia đình bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T vẫn sử dụng lối đi có diện tích khoảng 30,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 90 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chu Thị T, nay là chị Nguyễn Thị Hồng N (con gái bà Chu Thị T) quản lý sử dụng. Chị Nguyễn Thị Hồng N đã xây tường bằng gạch bê tông có chiều rộng 0,4m; cao 1,9m chắn ngang đường, nên hai hộ gia đình không thể đi được. Các nguyên đơn đã có đơn khởi kiện tại Tòa án đề nghị mở lối đi qua bất động sản liền kề tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 90 với diện tích 55,9m<sup>2</sup> trong đó chiều dài trung bình khoảng 12m, chiều rộng vị trí nhỏ nhất 3,07m, chỗ rộng nhất là 8m; yêu cầu bị đơn di dời tài sản trên đất và đồng thời cùng đền bù giá trị tài sản cho các bị đơn theo giá đã được Hội đồng định giá xác định tại Biên bản định giá tài sản.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Chu Thị T, chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề là của ông Nguyễn Đăng K (là chồng bà Chu Thị T) khai phá từ năm 1966; phần đất trên thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 90 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng K ngày 31/12/2002. Năm 2011, bà Chu Thị T tặng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Hồng N diện tích 507m<sup>2</sup> thuộc thửa 10-1 và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, diện tích đất yêu cầu mở lối đi 55,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 10-1 do chị Nguyễn Thị Hồng N đứng tên quản lý sử dụng. Gia đình bị đơn không đồng ý mở lối đi qua thửa 10-1 bởi trên thửa đất 10-1 của bị đơn không có con đường đi nào. Từ trước đến

nay, mọi người trong thôn đều đi con đường qua đất nhà ông Nguyễn Văn H, con đường này đã hình thành từ lâu nên đề nghị các nguyên đơn sử dụng con đường này.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N dành cho bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T được mở lối đi qua bất động sản của bà Nguyễn Thị Hồng N diện tích 55,9m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 507m<sup>2</sup> thuộc thửa 10-1, tờ bản đồ số 90, bản đồ địa chính thị trấn C chỉnh lý năm 2014 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD185103 ngày 24/3/2011, hiện nay do bà Nguyễn Thị Hồng N quản lý, sử dụng.

- Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N 18.984.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ dỡ bỏ tường gạch để mở lối đi cho các hộ gia đình bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị đơn bà Chu Thị T; chị Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không đồng ý mở lối đi qua bất động sản liền kề cho bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T thay đổi diện tích mở lối đi, theo đó lối đi phía giáp thửa 10-1, tờ bản đồ số 90 các nguyên đơn chỉ yêu cầu kéo một đường thẳng nối điểm B đến điểm C đến vị trí cách điểm G trên sơ đồ đất tranh chấp về phía thửa đất 10-1, tờ bản đồ số 90 là 01m.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Việc kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu khác có trong hồ sơ xác định hộ gia đình bà Võ Thị T có thửa đất ruộng số 09, tờ bản đồ số 90; hộ ông Nguyễn Văn T có các thửa đất ruộng số 234, 235, tờ bản đồ số 90, bản đồ địa chính xã C. Hiện nay các thửa ruộng trên bị bao bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng gây

khó khăn cho việc sản xuất, canh tác. Từ trước đây, gia đình bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T vẫn đi qua con đường nối từ đường nhánh DH82A qua thửa đất số 10-1, tờ bản đồ số 90 của bà Chu Thị T, hiện do chị Nguyễn Thị Hồng N quản lý sử dụng xuống ruộng. Bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N cho rằng từ trước đến nay không có con đường, tuy nhiên căn cứ lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được thì xác định trước đó đã có con đường đi qua thửa đất của bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N. Ngoài lối đi này không còn lối đi nào khác ra đường công cộng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc xác định con đường mở qua thửa đất số 10-1, tờ bản đồ số 90 là ngắn nhất, thuận tiện, hợp lý gây ra ít thiệt hại cho bất động sản mở lối đi nhất theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự. Các bị đơn cho rằng các nguyên đơn còn lối đi khác nối từ đường DH82A đi theo đường bê tông qua dưới nhà ông Nguyễn Văn H tuy nhiên qua xem xét thẩm định đường này phải đi qua 02 khu ruộng khác cách các thửa ruộng của nguyên đơn khoảng 50-60m nên việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đi con đường này là không khả thi, bất hợp lý. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự; kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có những vi phạm sau: Thông báo thụ lý vụ án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là mở lối đi chung qua bất động sản liền kề; gỡ bỏ một phần tường rào nhưng phần trích yếu của bản án sơ thẩm xác định thiếu quan hệ tranh chấp buộc tháo dỡ di dời tài sản trên đất; về án phí: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T thay đổi diện tích mở lối đi, theo đó lối đi phía giáp thửa 10-1, tờ bản đồ số 90 các nguyên đơn chỉ yêu cầu kéo một đường thẳng nối điểm B đến điểm C đến vị trí cách điểm G trên sơ đồ đất tranh chấp về phía thửa đất 10-1, tờ bản đồ số 90 là 01m. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo như đã phân tích ở trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 06/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn nhận được đơn kháng cáo của bà Chu Thị T; chị Nguyễn Thị Hồng N. Xét thấy, đơn kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ đúng quy định tại Điều 272; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại Thông báo thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là mở lối đi chung qua bất động sản liền kề; gỡ bỏ một phần tường rào tuy nhiên tại Bản án sơ thẩm phần trích yếu lại xác định thiếu quan hệ tranh chấp buộc tháo dỡ di dời

tài sản trên đất. Quan hệ pháp luật của vụ án trên phải được xác định là: Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề, buộc tháo dỡ di dời tài sản trên đất.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị T; chị Nguyễn Thị Hồng N thấy rằng: Các tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện, hộ gia đình bà Võ Thị T có thửa đất ruộng số 09, tờ bản đồ số 90; hộ ông Nguyễn Văn T có các thửa đất ruộng số 234, 235, tờ bản đồ số 90, bản đồ địa chính xã C. Hiện nay các thửa ruộng trên bị bao bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng gây khó khăn cho việc sản xuất, canh tác. Trước khi xảy ra tranh chấp, các đương sự trong vụ án đều xác nhận có con đường nối từ đường nhánh DH82A đi xuống thửa ruộng của các hộ gia đình bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T, đó là một lối mòn thuộc thửa đất số 10-1 do chị Nguyễn Thị Hồng N đang quản lý sử dụng; lối đi này cũng được thể hiện trên bản đồ địa chính thị trấn C chỉnh lý, bổ sung năm 2014. Xét thấy, lối đi này là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, gây ít thiệt hại cho các đương sự, ngoài lối đi này không còn lối đi nào khác thuận tiện hơn cho các hộ gia đình nguyên đơn để đi từ ruộng ra đường công cộng theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N cho rằng ngoài lối đi này còn một lối đi qua nhà ông Nguyễn Văn H, tuy nhiên lối đi này không có tính khả thi bởi các thửa ruộng nối tiếp nhau, muốn đi được ra đường công cộng phải đi qua hai thửa ruộng của các hộ gia đình khác và chỉ là đi trên bờ ruộng. Do đó, kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy cần bác kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng N.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T thay đổi diện tích mở lối đi, theo đó lối đi phía giáp thửa 10-1, tờ bản đồ số 90 các nguyên đơn chỉ yêu cầu kéo một đường thẳng nối điểm B đến điểm C đến vị trí cách điểm G trên sơ đồ đất tranh chấp về phía thửa đất 10-1, tờ bản đồ số 90 là 01m. Bà Chu Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng N nhất trí và không thay đổi số tiền bồi thường. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái với đạo đức, trái với pháp luật nên cần ghi nhận nội dung này.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị T; chị Nguyễn Thị Hồng N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về thay đổi một phần diện tích mở lối đi chung qua bất động sản liền kề.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Chu Thị T, chị

Nguyễn Thị Hồng N phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Chu Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[9] Bản án sơ thẩm xác định bà Võ Thị T, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 949.200 đồng là đúng, tuy nhiên bà Võ Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí, cấp sơ thẩm vẫn buộc bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Chu Thị T, chị Nguyễn Thị Hồng N không được chấp nhận nên bà Chu Thị T, chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên, bà Chu Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị T, chị Nguyễn Thị Hồng N (tên gọi khác Nguyễn Thị N1), công nhận sự thỏa thuận của đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

#### **1. Về yêu cầu mở lối đi**

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Thị N1) mở lối đi cho bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T đi qua bất động sản của bà Nguyễn Thị Hồng N, lối đi được thể hiện trên mảnh trích đo có các đỉnh như sau: A-B-C-G1 (G1 cách điểm G 01m)-G-H-I-K-L-M và phải tháo dỡ, di dời bỏ tường gạch đã xây dựng trên phần diện tích mở lối đi qua bất động sản của bà Nguyễn Thị Hồng N nằm trong diện tích 507m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 10-1, tờ bản đồ số 90, bản đồ địa chính thị trấn C chính lý năm 2014 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD185103 ngày 24/3/2011, hiện nay do bà Nguyễn Thị Hồng N quản lý, sử dụng.

(Gửi kèm theo bản án là mảnh trích đo khu đất tranh chấp).

2. Buộc bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 18.984.000 (mười tám triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu được thi hành án nếu bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc bị đơn bà Chu Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Thị N1) phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích mở lối đi chung, thuộc một phần thửa đất số 10-1, tờ bản đồ địa chính số 90 bản đồ địa chính thị trấn C. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký, chỉnh lý, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

#### **4. Về chi phí tố tụng**

Bà Võ Thị T, ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 6.725.000 đồng, bà Võ Thị T chịu 3.362.500 (ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, ông Nguyễn Văn T chịu 3.362.500 (ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Xác nhận bà Võ Thị T, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ số tiền trên.

## 5. Về án phí dân sự

### 5.1. Án phí sơ thẩm

Bà Võ Thị T, bà Chu Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 949.200 đồng, xác nhận ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000470, ông Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp số tiền 649.200 (sáu trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### 5.2. Án phí phúc thẩm

Bà Chu Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm; chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000494 ngày 07/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng; tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lộc Sơn Thái**